

LÊ-VĂN-THÓI và NGUYỄN-VĂN-DƯƠNG

**NGUYÊN - TẮC SOẠN - THẢO  
DANH - TỪ CHUYÊN - KHOA**

TRUNG - TÂM HỌC - LIỆU  
1970

LÊ-VĂN-THÓI và NGUYỄN-VĂN-DƯƠNG

**NGUYÊN - TẮC SOẠN - THẢO**  
**DANH - TỪ CHUYÊN - KHOA**

TRUNG - TÂM HỌC - LIỆU  
1970

*Trích* **Danh-từ Chuyên-môn 1970 Số 2, 9-37**

# NGUYÊN-TẮC SOẠN-THẢO DANH-TỪ CHUYÊN - KHOA

LÊ-VĂN-THỚI và NGUYỄN-VĂN-DƯƠNG

Việc soạn-thảo danh-từ chuyên-khoa ở nước Việt-Nam có một lịch-sử rất tòi-cận. Ngoài những tự-điển có ghi chép một số danh-từ dùng thường ngày trong các ngành, chúng ta có thể nói rằng việc soạn-thảo danh-từ chuyên-môn có qui-tắc khoa-học chỉ bắt đầu thực-hiện trong những năm gần đây. Trong những tạp-chí, tự-vựng, sách vở đã xuất-bản từ trước đến nay, có một số đã giúp ích chúng ta rất nhiều trong việc tạo-lập nền móng cho công-cuộc biên-soạn danh-từ chuyên-khoa ngày nay. Chúng tôi muốn nói đến quyển *Danh-từ Khoa-học* của Giáo-sư Hoàng-xuân-Hãn (xuất-bản vào năm 1942) và *Bộ Danh-từ Khoa-học* soạn-thảo dưới sự giám-độc của Giáo-sư Lê-văn-Thới (quyển đầu xuất-bản vào năm 1962).

Tuy nhiên, nhìn qua lịch-trình phát-triển của việc soạn-thảo danh-từ chuyên-khoa nói trên, và kiểm-diểm lại kết-qua đã thâu-hoạch được, chúng tôi không khỏi nhận thấy vấn-đề vẫn còn phức-tạp và công-việc còn đòi-hỏi nhiều cố-gắng. Một mặt, sự thiết-lập những nguyên-tắc soạn-thảo chung cho mọi ngành chuyên-môn cần được xúc-tiến và kiện-toàn. Những danh-từ phức-tạp cần được tiêu-chuẩn-hóa và thông-nhất. Mặt khác, nhiều danh-từ cần-thiết cho nền Đại-học toàn-diện, cùng những danh-từ mới-mẻ thiết-yêu cho ngành khảo-cứu cũng cần được đề-cập đến trong việc soạn-thảo.

Dù sao, công việc soạn-thảo danh-từ chuyên-khoa là một việc hết sức phức-tạp. Nó đòi hỏi nhiều thì-giờ, nhiều thận-trọng và không thể thực-biện một cách máy-móc được.

## A. — CÁCH-THỨC SOẠN-THẢO DANH-TỪ CHUYÊN-KHOA.

Trước khi trình-bày những tính-chất của một danh-từ chuyên-khoa và những phương-sách đã theo, chúng tôi xin nói qua cách-thức của việc soạn-thảo. Nói một cách tổng-quát, công-cuộc soạn thảo này có thể chia ra làm bốn phần :

- 1) Phần thiết-lập nguyên-tắc
- 2) Phần sưu-tập
- 3) Phần thành-lập danh-từ
- 4) Phần kiện-toàn và hệ-thống-hóa.

## I. Phần thiết-lập nguyên-tắc

Phần này hết sức quan-trọng và sẽ là căn-bản cho mọi sự soạn-thảo. Một nguyên-tắc sai lầm sẽ mang đến sự đổ vỡ toàn - bộ, một nguyên-tắc không vững chắc có thể làm sai - lệch cả một hệ-thống. Tuy nhiên, tính vững - chắc chưa đủ. Nguyên-tắc cần phải đa hiệu và có một phần uyển - chuyển, hai đặc-tính cần-thiết cho sự thông-nhất các danh-từ.

## II. Phần sưu-tập

Phần này có mục-đích sưu-tập những danh-từ cũ và mới đã được dùng trong các sách vở từ trước đến nay, kể cả những danh-từ thông-dụng ở Trung-hoa và Nhật-bản, vì ngôn-ngữ, tự-nguyên của ta đôi với hai nước này có những mối liên-hệ mật-thiết không thể bỏ qua được.

Mặt khác, trong sự sưu-tầm này, ngoài danh-từ Pháp-ngữ đã được dùng làm căn-bản đối-chiếu ở đây, chúng ta cũng cần tham-khảo một số danh-từ của các nước khác ở Âu-châu như Anh, Đức, Ý-đại-lợi, Tây-ban-nha... để so-sánh và rút lấy kinh-nghiệm hầu vạch ra những đường lối chung.

## III. Phần thành-lập danh-từ

Phần này có thể coi là phần chánh trong công việc soạn-thảo. Ngoài việc cải-tiến hay hoàn-chỉnh những danh-từ lạc-hậu hoặc dùng không đúng nghĩa, phần này có mục-đích thiết-lập các danh-từ chưa có từ trước đến nay, theo những nguyên-tắc đã ấn-định.

## IV. Phần kiện-toàn và hệ-thống-hóa

Phần cuối-cùng này có mục-đích duyệt lại các danh-từ đã được

thiết-lập hoặc tuyển-chọn, để tìm danh-từ tiêu-chuẩn hầu đi đến sự thống-nhất cần-thiết cho mọi ngành.

## B.— TÍNH-CHẤT CỦA MỘT DANH-TỪ CHUYÊN-KHOA.

Một danh-từ chuyên-khoa cần có những đặc-tính sau đây :

Về nội-dung

- 1) Một danh-từ phải chỉ riêng một ý mà thôi.
- 2) Một ý không nên có nhiều danh-từ.
- 3) Danh-từ trong một bộ-môn phải nằm trong một hệ-thống chung
- 4) Danh-từ phải gọi đến ý chính.

Về hình-thức

- 5) Danh-từ đặt gọn chừng nào tốt chừng này.
- 6) Danh-từ phải nằm trong hệ-thống chung của ngôn-ngữ.

Một phần lớn trong những điểm kể trên đã được thảo-luận một cách sâu rộng trong quyển *Danh-từ Khoa-học* của Giáo-sư Hoàng-xuân-Hãn.

### I. Một danh-từ phải chỉ riêng một ý mà thôi

Điều-kiện này không phải luôn luôn dễ thực-hiện. Một danh-từ thường làm nảy sanh ra nhiều nghĩa. Chẳng những riêng về tiếng Việt-Nam ta, mà tất cả các tiếng trên thế-giới đều có nhược-điểm này. Thí-dụ trong tiếng La-tinh, một tiếng được xem là chính-xác nhất, thế mà chỉ một chữ *sum* cũng mang không biết bao nhiêu là nghĩa.

Tiếng nói của khoa-học bao giờ cũng chính-xác hơn tiếng nói thông-thường, một danh-từ càng được chính-xác chừng nào thì phạm-vi định-nghĩa của nó càng phải được thu-hẹp chừng này. Chữ *porter* của tiếng Pháp, chính vì bao-hàm một ý-nghĩa quá tổng-quát

nên không diễn-tả được một ý chính-xác nếu không được bổ-túc *Porter* có thể dịch là *mang, vác, đội, công, gánh, v.v...* tùy theo các chữ bổ-túc.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên tránh những tiếng đồng-âm dị-nghĩa càng nhiều càng tốt. Điều này càng phải được chú-ý đối với danh-từ ngoại-quốc mà chúng ta phiên-dịch. Thí-dụ, từ-ngữ Pháp *teinture de tournesol* thường được dịch là *thuốc rượu quỳ-lầy* nghĩa thông-thường của danh-từ *tournesol* là loại thảo-mộc *Helianthus annuus L.* (Họ Compositae) mà ta gọi là *Cây Quỳ* (cũng còn gọi là *Hương-nhật-quỳ*, vì hoa hướng theo mặt trời). Thực ra, danh từ *tournesol* dùng trong từ-ngữ trên chỉ một chất trích lấy ở loại địa-y (như loại *Rocella tinctoria D. C., Lecanora tartarea Ach.*), mà chúng tôi tạm dịch là chất *thảo-lam* (Tiếng Anh và Đức gọi là *litmus* và *Lackmus* mặc dù ngôn-ngữ của hai nước này có tiếng *tournesol* hay *sunflower* và *Sonnenblume* để gọi *Cây Quỳ* nói trên).

Trong sự phiên-dịch, chẳng những chúng ta cần đề ý đến những chữ đồng-âm dị-nghĩa ngoại-quốc, mà còn phải thấu-hiểu về nguồn gốc hay tự-nguyên. Dưới đây là một thí-dụ :

Danh-từ *bec d'âne* (cũng còn gọi là *bédane*) có nghĩa là cái đực thường dùng để đực mộng. Trong danh-từ này, chữ *âne* không có nghĩa là con lừa, mà là *con vịt*. Lúc xưa (thế-kỷ thứ XV), người ta viết *bec d'asne*, và chữ *asne* do chữ Pháp cổ *ane*, có nghĩa là con vịt (La-tinh : *anas*, con vịt). Về sau người ta viết lầm chữ *ane* ra chữ *âne*. Do đó, *bec d'âne* phải được dịch là *cái đực mỏ vịt* mới đúng (dịch *cái đực mỏ lừa* chẳng những sai nghĩa mà còn vô nghĩa-lý).

## II. Một ý không nên có nhiều danh-từ

Trái lại, một ý không nên có nhiều danh-từ. Nói một cách khác, chúng ta nên tránh những tiếng đồng-nghĩa dị-âm. Thí-dụ, đối với tiếng *inertie*, không nên dùng quá nhiều danh-từ, như *ọa-tính, quán-tính, tính trơ...*

### III. Danh-từ trong một bộ-môn phải nằm trong một hệ thống chung

Mỗi khi đặt một danh-từ, chúng ta phải nghĩ đến toàn-thể của bộ-môn để xem có gì lân-cận hoặc tương-quan đến ý của ta đương xét.

Điều này đặc-biệt quan-trọng ở môn Hóa-học. Chính vì lý-do này mà khi dịch tiếng *fer*, ngoài danh-từ *sắt*, chúng tôi giữ lại danh-từ la-tinh *ferrum* để tiện gọi những chuyển-hóa-chất như *ferrate*, *ferrocyanure*, *ferricyanure*,... Ngoài danh từ lưu - huỳnh để dịch danh từ *soufre*, chúng tôi giữ lại danh-từ la-tinh *sulphur* để tiện gọi những chất như *acide sulfureux*, *acide sulfurique*, *sulfite*, *sulfate*, *sulfure*, *sulfone*, *sulfamide*,...

Danh - từ *potion*, nếu dịch là *thuốc nước ngọt* như nhiều người đã dịch, tất không nghĩ đến các danh-từ liên-hệ hoặc lân-cận khác như *strop*, *élixir*, *looch*, *julep*, *mellite*..., vì những thuốc này đều là thuốc nước ngọt cả !

Chính vì thế mà mỗi khi dịch một danh-từ ngoại-quốc, chúng ta cần xét ngay những danh-từ tương-tự hoặc liên-hệ khác để cho mỗi ý có một danh-từ Việt-Nam chính-xác, hầu tránh mọi sự lảm-lẫn về sau. Thí-dụ, khi dịch danh-từ *décomposition*, ta phải xét đến các danh-từ tương-tự như *dégradation*, *désagrégation*, *désintégration*, *destruction*, *fiission*... ; khi dịch danh-từ *comprimé*, ta phải xét đến các danh-từ *dragée*, *capsule*, *pilule*, *cachet*, *tablette*, *comprimé dragéifié*... để tuyển chọn danh-từ Việt-Nam chính-xác đối với mỗi ý.

Dưới đây là vài thí-dụ những danh-từ rất gần nghĩa với nhau cần được có danh-từ Việt tương-ứng (\*):

---

(\*) Những danh-từ này đã được Ủy-Ban Quốc-gia Soạn-thảo Danh-từ Chuyên môn chấp-nhận hoặc soạn-thảo.



Aire	<i>Khu-vực</i>
Domaine	<i>Lãnh-vực</i>
Région	<i>Miền</i>
Seeteur	<i>Phân-khu</i>
Sous-secteur	<i>Tiểu-khu</i>
Zone	<i>Vùng</i>
Décomposition	<i>Sự phân-hóa, sự phân-tách</i>
Désagrégation	<i>Sự tan-rã</i>
Dégradation	<i>Sự giảm-cấp</i>
Désintégration	<i>Sự hủy-biến</i>
Destruction	<i>Sự phá-hủy</i>
Dissociation	<i>Sự giải-ly</i>
Séparation	<i>Sự phân-ly, sự phân-cách</i>
Elution	<i>Sự dung-ly</i>
Fission	<i>Sự phân-hạch</i>
Dissipation	<i>Sự tiêu-tán</i>
Accommoder	<i>Điều-tiết</i>
Adapter	<i>Điều-hợp</i>
Ajuster	<i>Hiệu-chính</i>
Ajustement	<i>Sự hiệu-chính</i>
Ajustage	<i>Sự bồi-chính</i>
Accorder	<i>Hòa-hợp</i>
Mettre au point	<i>Điều-chỉnh</i>
Régler	<i>Điều-chuẩn</i>

Những danh-từ không đồng nghĩa nhưng đồng một gốc mà ra :

Absorption	<i>Sự hấp-thu</i>
Adsorption	<i>Sự ngoại-hấp</i>
Désorption	<i>Sự giải-hấp</i>

Résorption	Sự tiêu-hấp
Sorption	Sự hấp

Cũng vì mục-dịch chính-xác-hóa nầy mà chúng ta phải thiết-lập thêm nhiều danh-từ mới. Đó là trường hợp của những danh-từ *trầm-hiện*, *chất-lượng*, *thảo-lam* mà chúng tôi đã đề nghị trước Ủy-ban Soạn-thảo Danh-từ Khoa-học từ năm 1960 đề dịch *précipiter masse*, và *tournesol* (\*).

Chẳng những danh-từ trong một bộ-môn phải nằm trong một hệ-thống chung, mà danh-từ trong mọi ngành cũng cần có sự liên-lạc với nhau. Thí-dụ, trong Hóa-học hay Dược-học, chúng ta dùng danh-từ *aconitin* và *stricnin*, thì ở khoa Thực-vật chúng ta không thể bỏ danh-từ *Aconitum* và *Strychnos* để chỉ hai giống cây cho ra hai chất alcaloid nói trên, mặc dù ta đã có và vẫn dùng danh-từ Ô-dầu và Mã-tiền.

Ngoài ra, cũng trong quan-niệm nầy, và để danh-từ có tính cách nhất-trí, chúng ta nên hệ-thống-hóa một vài cách dịch (\*\*).

Vấn cuối *-ation*, ngoại trừ một vài trường-hợp riêng, chúng ta sẽ dịch là *-hóa* :

Acétylation	Sự acetyl-hóa
Alcalinisation	Sự kiềm-hóa
Hydratation	Sự thủy-hóa
Vulcanisation	Sự lưu-hóa

Vấn cuối *-lyse*, chung ta sẽ dịch là *-giải* :

Electrolyse	Sự điện-giải (chớ không điện-tích)
Hydrolyse	Sự thủy-giải (chớ không thủy-phân)

(\* ) Xem *Lời tựa* và *Lời dẫn* của Quyển *Danh-từ Hóa-học* (Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1963). Những danh-từ này nay đã được Ủy-Ban Quốc-Gia Soạn-Thảo Danh-Từ Chuyên-Môn chấp-thuận.

(\*\*) Xem *Tự-điền Căn Khoa-học* của Lê-văn-Thới và Nguyễn-văn-Dương (sắp xuất-bản).

Hémolyse	Sự huyết-giải (chớ không huyết-dung)
Dialyse	Sự thấu-giải

Cũng vì lý-do nầy mà chúng tôi đề-nghị dịch tiếng *analyse* là sự *phân-giải*, danh-từ *phân-tách* sẽ dành cho tiếng *décomposition*.

Văn cuối *-mètre*, chúng ta sẽ dịch là *-kế* :

Manomètre	Áp-kế
Thermomètre	Nhiệt-kế (thay vì hàn-thử-biểu)
Baromètre	Khí-áp-kế (thay vì phong-vũ-biểu)
Spectrophotomètre	Phổ-quang-kế
Albuminomètre	Albumin-kế
pH-mètre	pH-kế

Do đó, văn cuối *-métrie*, chúng ta sẽ dịch là *phép... kế* hoặc *-kế-học*, tùy theo tầm tác-dụng của kỹ-thuật :

Acidimétrie	Phép acid-kế
Chlorométrie	Phép clor-kế
Aérométrie	Khí-kế-học

Văn cuối *-at*, ngoại-trừ vài trường-hợp đặc-biệt, chúng ta sẽ dịch là *-phẩm* :

Absorbat	Hấp-thu-phẩm
Distillat	Chưng-cắt-phẩm
Lixiviat	Tẩm-trích-phẩm
Éluat	Dung-ly-phẩm

Văn cuối *-émie*, chúng ta sẽ dịch là *-huyết* :

Glycémie	Đường-huyết
Acétonémie	Aceton-huyết

Văn cuối *-gamie*, chúng ta sẽ dịch là *-phối* :

<i>Isogamie</i>	Sự đẳng-phối
<i>Anisogamie</i>	Sự bất-đẳng-phối
<i>Atrichogamie</i>	Sự vô-mao-phối
<i>Caryogamie</i>	Sự hạch-phối

Văn cuối *-gramme*, chúng ta sẽ dịch là *-đồ* :

<i>Chromatogramme</i>	Sắc-ký-đồ
<i>Antibiogramme</i>	Kháng-sinh-đồ
<i>Electrocardiogramme</i>	Tâm-điện-đồ

Văn cuối *-graphie*, chúng ta sẽ dịch là *-kỹ*, và *-graphie* là *phép-  
-kỹ* (hoặc *sự...-kỹ*) :

<i>Chromatographie</i>	Phép sắc-kỹ
<i>Spectrographie</i>	Phép phổ-kỹ
<i>Electrocardiographie</i>	Phép tâm-điện-kỹ

Văn cuối *-scope*, chúng ta sẽ dịch là *-nghiệm* (驗 *nghiệm* : lấy theo  
nghĩa *xem-xét, suy-xét*), và *-scope* là *phép...-nghiệm* (hoặc *sự...-nghiệm*) :

<i>Cryoscopie</i>	Phép băng-nghiệm
<i>Ebullioscopie</i>	Phép phí-nghiệm
<i>Electroscope</i>	Máy tính-điện-nghiệm (hay máy điện-nghiệm)

Văn cuối *-urie*, chúng ta sẽ dịch là *-niệu* :

<i>Albuminurie</i>	Albumin-niệu
<i>Acétonurie</i>	Aceton-niệu
<i>Glycosurie</i>	Đường-niệu

Văn cuối *-phore*, chúng ta sẽ dịch là *-đài* :

<i>Chromatophore</i>	Sắc-đài
<i>Gonophore</i>	Chủng-đài (hay thụ-hùng-đài)

Văn cuối *-mère*, chúng ta sẽ dịch là *-phần* :

Isomère	Đồng-phân
Monomère	Đơn-phân
Dimère	Nhị-phân, (thay vì nhị-hợp)
Trimère	Tam-phân, (thay vì tam-hợp)
Tétramère	Tứ-phân, (thay vì tứ-hợp)
Polymère	Đa-phân, (thay vì trùng-hợp)
Copolymère	Cộng-đa-phân
Homopolymère	Đồng-đa-phân
Hétéropolymère	Dị-đa-phân

Danh-từ *nhị-hợp*, *tam-hợp*..., *trùng-hợp*, có nghĩa hợp hai, hợp ba, hợp nhiều lớp, chồng-chập với nhau (重 trùng, nhiều lớp chồng - chập với nhau) không phải là sai, nhưng không sát nghĩa vì chữ *mère* có nghĩa là phần chớ không có nghĩa là hợp (Hy-lạp *meros*, phân; chữ Hán 分 *phân*, phần)

Danh-từ *isomère* đã được dịch là *đồng-phân* từ lâu, trong lúc đó *isotrope* lại được dịch là *đẳng-hướng*, *isogamie* là *đẳng-phối*... Chúng tôi thiết nghĩ nên dịch là *đẳng - phân* để được sát nghĩa hơn (Hy-lạp *isos*, bằng nhau, đẳng) và nhất là có thể nằm trong hệ-thống chung. Mặt khác, từ trước đây nay để tránh sự lầm lẫn với chữ *đồng-phân* hai danh-từ *hétéromère* và *homéomère*, đã được dịch là *dị-tạo* và *đồng-tạo*. Như thế không nằm được trong hệ-thống *-mère*, và không sát nghĩa, vì có thêm ý nghĩa tạo-lập. Chúng tôi đề-nghị dịch *isomère* là *đẳng-phân*, do đó hai danh-từ *hétéromère* và *homéomère* sẽ được dịch như sau:

Hétéromère	Dị-phân
Homéomère	Đồng-phân

Đứng về mặt ngôn-ngữ, chúng ta thấy sự cấu-tạo của những danh-từ đề nghị trên đây không thuận-túy, một tiếng của nước này đi ghép với một tiếng nước khác, như acetil-hóa, aceton-niêu, v.v.. Nhưng, nếu xét kỹ, những trường-hợp này đều có xảy ra ở các thứ tiếng và đó cũng là một sự dịch-biến có thể làm giàu một ngôn-ngữ, một điều-kiện rất quý trong lãnh-vực danh-từ khoa-học. Dưới đây là một vài thí-dụ :

Thì-giờ	<i>Thì</i> , chữ Hán,	<i>giờ</i> , chữ nôm
Danh-tiếng	<i>Danh</i> , chữ Hán,	<i>tiếng</i> , chữ nôm
Sức-lực	<i>Sức</i> , chữ nôm,	<i>lực</i> , chữ Hán
Trắng-bạch	<i>Trắng</i> , chữ nôm,	<i>bạch</i> , chữ Hán
Autoclave	<i>Auto</i> , Hy-lạp ( <i>autos</i> , tự)	<i>clave</i> , La-tinh ( <i>clavis</i> , chia-khóa)
Autoinfection	<i>Auto</i> , Hy-lạp ( <i>autos</i> , tự)	<i>infection</i> , La-tinh ( <i>infectio</i> , sự nhuộm, sự nhiễm)
Intramoléculaire	<i>Intra</i> , La-tinh ( <i>intra</i> , ở trong)	<i>moléculaire</i> , Pháp, ( <i>molécule</i> (*) phân- tử)
Alcalimétrie	<i>Alcali</i> , Á-rập ( <i>al-qua ly</i> một loại thảo-mộc dùng để trích lấy chất kiềm)	<i>métrie</i> , Hy - lạp ( <i>metron</i> , sự đo)
Golgiosome	<i>Golgio</i> , Ý-đại-lợi ( <i>C. Golgi</i> , tên nhà sinh-vật-học Ý)	<i>soma</i> , Hy-lạp ( <i>soma</i> thể)

Mặt khác, một số danh-từ ngoại-quốc có một nguồn-gốc riêng-biệt, nếu chúng ta không phiên-âm thì không nên tự-tiện sửa đổi hoặc đặt danh-từ khác. Đó là trường-hợp của những tiếng *sirop*, *julep*, *looch*, *élixir*, v.v... Những tiếng này do tiếng Á-rập, Dược-khoa Tây-phương đã mượn từ lâu : *sirop* do tiếng *charáb*, một thức uống ; *julep* do tiếng *djouláb*, chỉ một thuốc nước để uống gồm có mật, nước trái cây, dược-chất...; *looch* do tiếng *lahok*, một loại dược-phẩm đặc như mật dùng một rễ cây chấm vào rồi lấy ra mút, (*lahok* có nghĩa là *liếm*) ; *élixir* do *al*, quán-từ và *ksir tinh-túy*.

(\*) Tiếng La-tinh không có danh-từ *molécule* mà có danh-từ *moles*, có nghĩa là *khối*,

Trường hợp danh-từ *optum* cũng thế. Chúng ta dịch là *nha-phiến* hay *á-phiến*, hay *a-phù-dung*. Nhưng các danh-từ này chỉ là *phiên âm* của danh-từ Trung-hoa *a-phiến*: 阿片; *nha-phiến*: 鴉片; *A-phù-dung* 阿芙蓉. Danh-từ Trung-hoa cũng là danh-từ *phiên-âm* của tiếng Á-rập *afioun* (người Trung-hoa đã biết dùng trái anh-túc từ lâu, nhưng chỉ biết đến *nha-phiến* do sự tiếp-xúc với người Á-rập vào thế kỷ thứ IX). Mà danh-từ *afioun*, cũng như danh-từ *optum* của các nước bên Âu-châu đều do tiếng Hy-lạp *option* (nước trấp thảo-mộc, chỉ cây anh-túc) mà ra cả.

#### IV. Danh-từ phải gọi ý chính

Một danh-từ chuyên-môn mà không gọi ý chính thì có thể gây ra sự hiểu sai hoặc tối nghĩa.

Thí-dụ, danh-từ *autoclave* (do tiếng Hy-lạp *autos*, tự, và tiếng La-tinh *clavis*, chìa khóa) chỉ có nghĩa là *tự-khóa chặt* mà thôi. Nó không gọi ý chính bằng danh-từ Trung-hoa *tăng-áp-oa* 增壓鍋, cái nồi tăng áp-suất). Nhưng danh-từ Trung-hoa lại không gọi được ý chính bằng danh-từ Việt-Nam *nồi hấp-kín*, vì ý chính ở đây không phải là sự tự-khóa chặt, mà là sự đun hấp ở trong một cái nồi đóng kín (tất nhiên áp-suất phải tăng lên).

Danh-từ *infusion*, một danh-từ rất thông-dụng trong Dược-khoa (do tiếng La-tinh *in*, trong, và *fusio*, rót vào, chèn vào), chỉ gọi ý rót vào, chèn vào mà thôi. Do đó tiếng Trung-hoa dịch là sự *chú-nhập* (*chú*, 注 là đổ, rót, và *nhập*, 入 là vào). Nhưng nghĩa của danh-từ *infusion* rất chính-xác, chỉ một thủ-thuật hòa-tan bằng cách chèn một chất lỏng đang sôi vào một vật mà ta muốn trích lấy những chất hòa-tan. Chúng ta tạm dịch là sự *chế-sôi*, sát nghĩa chính hơn.

Tuy nhiên, để tránh sự rườm-rà có thể làm tối nghĩa, sự thiết lập danh-từ chuyên-môn tất sẽ bị hạn-chè trong phạm-vi vài ba âm mà thôi. Vì thế nên trong nhiều trường hợp chúng ta không thể bắt buộc một danh-từ — chỉ gồm có vài ba âm — chứa đựng đầy đủ các

ý-nghĩa. Thực ra, danh-từ chỉ là *một tên để gọi*. Nếu muốn hiểu rõ nghĩa át phải học khoa chuyên-môn đó, hoặc tra tự-điển. Một người thông - minh cho đến mấy, khi đọc đến tiếng *hypertélorisme* hay *chélation*, nếu không học qua Y-khoa hay Hóa-học thì chẳng biết nó là gì, mặc dù biết trong tiếng *hypertélorisme* có tiếng Hy-lạp *hyper*, quá, *tele*, xa, *orifein*, chia, cũng như trong tiếng *chélation* có tiếng *khéle* là cái kẹp.

## V. Danh-từ nên đặt cho gọn

Như đã nói trên, một danh-từ mà đặt bằng một chuỗi *đm* dài, chẳng những không tiện cho việc phát-âm mà lại còn làm cho tối nghĩa, nếu không thành một định-nghĩa.

Tiếng *électrocardiographie*, có nghĩa là phép ghi dòng điện do tim phát ra khi tim đập, tiếng Trung-hoa dịch là *tâm-động-điện-lưu-miêu-ký-pháp* (心動電流描記法), chúng ta dịch là *tâm-điện-ký* gọn hơn.

Cũng do mục-đích thu gọn này mà danh-từ *propriétés physiques* (tính-chất thuộc về vật-lý), chúng ta dịch là *lý-lính*, và *propriétés chimiques* (tính-chất thuộc về hóa-học), chúng ta dịch là *hóa-lính*.

Tuy nhiên, sự thu gọn không phải là không có giới-hạn nếu không sẽ thành tối nghĩa hoặc có kết-quả không tốt đối với âm-hường của ngôn-ngữ (xem đoạn dưới).

## VI. Danh-từ đặt ra phải nằm trong hệ-thống chung của ngôn-ngữ Việt-Nam

Danh-từ chuyên-khoa, đặt bằng tiếng Việt-nam, tất-nhiên phải nằm trong hệ-thống chung của ngôn-ngữ Việt-nam. Ngoại trừ những tiếng thật-sự thuộc chuyên-môn (xem phần *phiên-âm*) hoặc những tiếng đã được quốc-tế-hóa, trong việc thiết-lập danh-từ, các vấn đề về Việt-ngữ như âm-hường, âm-vận, văn-phạm, v.v... cần phải được tôn-trọng.

Đứng về phương-diện âm-hường, nhất là đối với những ý có định-dáng với những điều thường - thức, thì danh - từ phải đặt



làm sao cho có thể dùng trong câu nói thường mà không chôi tại. Như Giáo-sư **Hoàng-xuân-Hãn** đã viết, trong quyển *Danh-từ Khoa-học* :

« Một câu nói tiếng ta là một đoạn nhạc. Vì thế mà có câu cũng đủ « ý-nghĩa mà nghe ra cục-cản nên không thành câu. Nguyên-nhân « phần nhiều vì những độc-âm đứng vào địa-vị quan-trọng trong câu, « nhất là ở cuối câu. Cũng vì lẽ ấy mà tiếng ta đã đặt ra rất nhiều « tiếng đôi gồm có hai âm mà chỉ có một âm có nghĩa và âm kia « không thêm một ý, một biên-ý nào cả, ví-dụ *co-hội, tùy theo*. Vì « lẽ ấy mà ta đã từng chấp một âm ta với một chữ nho, mà hai chữ « cũng đồng một nghĩa (phần nhiều chữ nho trước) như là những « tiếng *tùy theo, thờ-phụng, danh-tiếng, thì-giờ, vân vân...* »

« Ngoài lẽ về âm-hường, cách đặt tiếng kép lại còn cho ta chú-ý « đến tiếng ấy trong một câu và dễ hiểu câu. Nếu là độc-âm thì lúc « nó thoáng qua thính-quan một cách mau chóng, nên câu thành tối « nghĩa ».

Mặt khác, như đã nói trên, có những danh-từ chúng ta đã vay mượn từ lâu, nay đã được Việt-nam-hóa (như tiếng phó-mát, bơ, gác, lô-cốt, bê-tông, ga, banh,...) và những tiếng đã được quốc-tê-hóa (đặc-biệt quan-trọng ở ngành Hóa-học), chúng ta tất nhiên phải thu-dụng, mặc dù rất xa âm-hường Việt-nam. Và cũng vì lẽ đó mà các vấn-đề am-vận, Việt-tự, gồm có sự cái-tiền và làm giàu tiếng Việt-nam cũng cần được thảo-luận và qui-định trong việc soạn-thảo danh-từ chuyên-khoa ngày nay.

### C. — PHƯƠNG-SÁCH ĐẶT DANH-TỪ CHUYÊN-KHOA.

Phương-sách đặt danh-từ chuyên-khoa gồm có :

- Phương-sách dùng tiếng thông-thường
- Phương-sách dùng gốc chữ Nho
- Phương-sách dùng phiên-âm.

Những phương-sách này, chúng tôi đã trình bày với các chi-tiết trong quyển *Danh-từ Hóa-học* soạn-thảo dưới sự giám-độc

của Giáo-sư Lê-văn-Thới (\*). Chúng tôi xin nhắc lại dưới đây :

## I. Phương-sách dùng tiếng thông-thường

Tiếng thông-thường gồm những tiếng riêng-biệt của nước ta tục gọi là tiếng *Nôm*, và những tiếng gốc *Nho* đã được Việt-nam-hóa từ lâu.

Trong ba phương-sách trên, chúng tôi dành ưu-tiên cho phương-sách này, và hầu hết những tiếng thông-thường có sẵn nếu không sai nghĩa đều được giữ lại. Vì dùng tiếng thông-thường được cái lợi lớn là dễ nhớ, có âm-hưởng Việt-nam, bảo-toàn được tính-chất dân-tộc. Những tiếng thông-thường như : *bạc, chì, đồng, kẽm, cọng, trừ, nhân, chia, đau, sốt, lao, củi, v.v...* bao giờ cũng vẫn dùng được.

## II. Phương-sách dùng gốc chữ Nho

Phương-sách dùng tiếng thông-thường rất tiện lợi, nhưng rất tiêc, tiếng khoa-học thông-thường quá ít, không đủ cho ta dùng.

Trong vài trường-hợp, tiếng thông-thường thiếu hẳn ý-nghĩa rõ-rệt. Thí-dụ, tiếng *bột* có thể chỉ một chất trong trạng-thai nghiền nhỏ hoặc một chất lay trong loại ngũ-cốc ; tiếng *dầu* chỉ nhiều chất lỏng không giống nhau.

Mặt khác, tiếng thông-thường tỏ ra bất-lực trong việc đặt danh-từ đa-âm. Vì khi ghép nhiều tiếng thông-thường lại, ta sẽ có một *câu*, hoặc một *từ-ngữ* có tính cách *định-nghĩa* chứ không phải một *danh-từ*. Điều này ta cần phải tránh. Thí dụ, dịch *thermomètre* ra « máy đo độ nóng » là định nghĩa, còn *nhiệt-kế* là danh-từ ; *dialyse*, chúng ta không dịch là « sự phân giải qua một màn mỏng » mà là *sự thấu-giải* ; *malléabilité*, « tính dễ ép ra lá » hay « tính dễ cán mỏng » sẽ được dịch là *triền-tính*.

(\*) Xuất-bản năm 1963

Như vậy phương-sách dùng gốc chữ *Nho* đem lại cho ta mọi sự tiện-lợi. Ý-nghĩa chữ *Nho* dễ qui-định trong các môn khoa-học và khỏi sợ lẫm lẫm với tiếng thông-thường. Ta có thể ghép nó một cách gọn-gàng, và tránh được sự đồng-âm dị-nghĩa. Đó là những đức-tính cần-thiết cho một danh-từ chuyên-khoa. Chính vì lý-do này mà các nước Âu-Châu dùng tiếng *La-tinh* và *Hy-lạp*, cũng như ta dùng chữ *Nho*, để thiết-lập danh-từ chuyên-khoa.

### III. Phương - sách phiên-âm

Với hai phương-sách dùng tiếng *Nôm* và tiếng gốc *Nho*, chúng ta có thể dựa vào từ-nguyên hoặc lấy ý của ngoại-ngữ để dịch một số lớn danh-từ diễn-tả những ý khoa-học căn-bản.

Tuy nhiên, vì tính-cách quốc-tê của khoa-học, ta không thể tự tạo ra và dùng lẻ-loi một hệ-thống danh-từ riêng-biệt cho nước Việt-nam. Điều này đặc-biệt quan-trọng đối với ngành Hóa-học. Theo khuyến-cáo của *Liên-hiệp Quốc-tê Hóa-học Thuần-túy và Ứng-dụng* (International Union of Pure and Applied Chemistry, viết tắt là IUPAC), tên các hóa-chất phải tương-tợ nhau trong các thứ tiếng. Do đó, ta chỉ có cách phiên-âm các danh-từ hóa-chất đã có chứ *không nên đặt ra danh-từ khác*.

Phương-sách phiên-âm rất tiện-lợi, vì danh-từ đã có sẵn và đặt theo một hệ-thống quốc-tê vững chắc, ta khỏi phải tìm kiếm đâu xa. Hơn nữa, Quốc-ngữ dùng mẫu-tự *La-tinh* như Âu-ngữ, nên sự phiên-âm có phần dễ hơn các nước Á-đông khác như Trung-hoa, Nhật-bản, Thái-lan, v.v...

Một số danh-từ đã được phiên-âm và đã được phổ-thông từ lâu, chúng ta thu-nạp và vẫn giữ nguyên cách viết. Đó là trường-hợp của những danh-từ (\*):

---

(\*) Xem Nguyễn-Khắc-Kham, *Foreign borrowings in Vietnamese*, Đông-Kinh Ngoại-quốc-ngữ Đại-học Luận-tập, 1969, số 19.

Balle	<i>Banh</i>	Gare	<i>Ga</i>
Béton	<i>Bê-tông</i>	Laine	<i>Len</i>
Bière	<i>Bia</i>	Lot	<i>Lô</i>
Bombe	<i>Bom</i>	Blockhaus	<i>Lô-cốt</i>
Beurre	<i>Bơ</i>	Fromage	<i>Phô-mát</i>
Caoutchouc	<i>Cao-su</i>	Soupe	<i>Xúp</i>
Café	<i>Cà-phê</i>	Tasse	<i>Tách</i>
Carotte	<i>Cà-rốt</i>	Vin	<i>Vang</i>
			v. v. . .

Lẽ dĩ nhiên, danh-từ phiên-âm nhiều khi không được gọn-gàng, khó gọi trí nhớ, không có âm-hưởng Việt-nam. Vì thế nên chúng ta chỉ áp-dụng phương-sách này khi nào hai phương-sách dùng tiếng *Nôm* và tiếng gốc *Nho* tỏ ra bất lực.

(a) Muốn có một lối phiên-âm duy-nhất, tất phải đứng về phương-diện *ngữ-học*, đề tìm những qui-tắc tổng-quát có thể áp-dụng cho tất cả danh-từ chuyên-khoa. *Vấn-đề* này rất *phức-tạp* và *đến nay chưa được giải-quyết*. Chúng tôi cố-gắng giản-dị-hóa danh-từ phiên-âm Âu-ngữ và đồng-thời quốc-tê-hóa một phần nào tiếng Việt có tính-cách chuyên-môn, nhất là ở môn Hóa-học, vì *qui-luật quốc-tế bắt buộc ta phải theo sát tự-nguyên* (\*).

Trước hết, chúng tôi đề-nghị thu-nạp vào tiếng Việt một số âm và vấn thiết-yếu sau đây :

1. Bốn phụ-âm : *f, j, w, z*

Thí-dụ :

formol, joule, watt, zirconium

2. Những phụ-âm kép : *bl, br, cl, cr, dr, fl, fr, ge, gl, gr, kr, pl, pr, pt, sc, sm, sp, sq, st...*

(\*) Những nguyên-tắc phiên-âm này đã được soạn-thảo từ lâu, và đã được Ủy-Ban Soạn-thảo Danh-từ Khoa-học áp-dụng từ năm 1960 để làm nền tảng cho công cuộc soạn-thảo Bộ Danh-từ Khoa-học, dưới sự giám đốc của Giáo-sư Lê-văn-Thới. Chúng tôi rất tiếc lúc ấy không được biết quyền Danh-từ chuyên-khoa trong Việt-ngữ của Đàm-quang-Hậu, trong đó có một vài điểm trùng-hợp với chúng tôi.

Thí-dụ :

*blaz, brom, clor, crom, hidrogen, fluor, francium, germanium, glicerol, gram, kripton, plutonium, proton, pterin, scandium, smaltin, spartein, squalen, stearic...*

3. Những vần xuôi : *ce, ci, pa, pe, pi, po, pu...* và các vần xuôi tạo thành với bốn phụ-âm *f, j, w, z*.

Thí-dụ :

*centimet, ceton, acid, ciclotron, paladium, parabol, pentan, pi, lipid, polonium, positon, purin...*  
*afin, furan, jacobien, watt, zincat.*

4. Những vần ngược :

*ab, ad, af, al, ar, as, ax, az...*  
*eb, ed, ef, el, er...*  
*ib, id, if, il, ir...*  
*ob, od, of, ol...*  
*ub, ud...*

Thí-dụ :

*abel, cadmium, hafnium, alpha, carbon, asterod, erbium, electron, ester, zirconium, formol, osid, orto, oxim, sulfamid, clorur...*

5. Những nguyên-âm kép : *au, eau, eu...*

Thí-dụ :

*lauric, ponceau, deuterium.*

b. Trong việc phiên-âm, [chúng tôi lấy Pháp-ngữ làm căn-bản và Việt-hóa cách đọc những vần mới đã được thu- nạp, vì nguyên-tắc giữ đúng chữ viết căn-bản. Tương chúng ta không nên quá thắc-mắc về vấn-đề này, vì mỗi nước Âu-Mỹ đều có cách đọc riêng những danh-từ cùng một gốc La-tinh hay Hy-lạp, và các nước Á-đông viết chữ Nho giống nhau nhưng đọc khác nhau.

1. Chúng ta đọc được dễ-dàng các âm *f, j, w, z*, vì ta có sẵn âm tương-đương *ph, gi, u, d*.

Thí-dụ :

*fulan, jacobien, watt, zincat.*

2. Chúng ta đọc được phụ-âm kép *tr*, thì chúng ta cũng có thể đọc được các phụ-âm kép *br, cr, dr, fr, gr...* Như vậy chúng ta sẽ tránh được lỗi phiên-âm trại như bờ-rôm (*brome*), hýt-rô (*hydrogène*), gam (*gramme*),...

3. Các vần xuôi *ce, ci* sẽ đọc như *xe, xi*.

Thí-dụ :

*centimet, acid, cyclotron*

Chúng ta cũng không có vần xuôi *pa, pe, pi, po, pu*, vì Việt-ngữ không có âm riêng *p* như Hoa-ngữ. Nhưng ta phân-biệt dễ-dàng những vần trên với vần tương-tự do chữ *b*.

Thí-dụ :

*Paladium, parabol, pentan, lipid.*

4. Chúng ta nên cố-gắng đọc các vần ngược mới *al, el, il, ol, ul* để tránh sự lăm-lẫn với những vần ta quen thuộc *an, en, in, on, un*. Các vần mới này rất quan-trọng thường được dùng để phân-biệt các nhóm hay chức.

Vần cuối *-al* chỉ loại *aldehyd*, khác hẳn vần cuối *-an* của loại *alcan*.

Thí-dụ :

*Butanal và Butan*

*Pimaral và Pimaran*

Chức rượu phải có vần cuối *-ol*, và chức ceton vần cuối *-on*.

Thí-dụ :

*Butanol và Butanon*

*Acetol và Aceton*

Vần cuối *-il* theo lối phiên-âm chúng tôi đề-nghị, được dùng để gọi những gốc hóa-trị một (Pháp viết *-yle*, Anh viết *-yl*), còn vần cuối *-in* cũng theo lối viết của chúng tôi, thường biểu-thị loại *alcin* (Pháp và Anh viết *-yne*, Đức viết *-in*) hay chức *amin* (theo danh-pháp quốc-tê).

Thí-dụ :

*Butil* và *Butin*  
*Alanil* và *Alanin*

Từ trước đến nay, vần cuối *-ide* được phiên-âm là *-it*, y như vần cuối *-ite*. Ta đọc được dễ-dàng hai vần ngược *id* và *it*; vậy ta nên thu-nhập hai vần này để tránh mọi sự ngộ nhận.

Thí-dụ :

*Anhydride*      *Anhidrid*  
*Anhydrite*      *Anhidrit*

Lỗi phiên-âm trước cũng không phân-biệt các vần ngược : *ab* và *af* (cả hai đều âm *áp*), *ad* và *as* (cả hai đều âm *át*), *ar* và *ax* (cả hai đều âm *ác*) và những vần tương-tợ, do các nguyên-âm *e, i, o, u*. Đôi khi, vần *ar, ir, or*, cũng có phiên-âm là *a, i, o*. Cách đọc các vần mới này không có gì khó, ta nên dùng để thông-nhất việc phiên-âm danh-từ chuyên-khoa.

Thí-dụ :

<i>Cadmium</i>	<i>Cadmium</i> , chớ không <i>cát-mi</i>
<i>Hafnium</i>	<i>Hafnium</i> , chớ không <i>Háp-ni</i>
<i>Carbone</i> ,	<i>Carbon</i> , chớ không <i>Các-bon</i>
<i>Arsenic</i>	<i>Arsen</i> , chớ không <i>A-sen</i>
<i>Diastase</i>	<i>Diastaz</i> , chớ không <i>Đi-át-tát</i>
<i>Erbium</i>	<i>Erbium</i> , chớ không <i>Ec-bi</i>
<i>Ester</i>	<i>Ester</i> , chớ không <i>Et-te</i>
<i>Zirconium</i>	<i>Zirconium</i> , chớ không <i>Zi-con</i>
<i>Bismuth</i>	<i>Bismut</i> , chớ không <i>Bít-mút</i>
<i>Orcine</i>	<i>Orcin</i> , chớ không <i>Ốc-cin</i>
<i>Formol</i>	<i>Formol</i> , chớ không <i>Foc-mol</i>
<i>Osmium</i>	<i>Osmium</i> , chớ không <i>Ốt-mi</i>
<i>Oxyde</i>	<i>Oxid</i> , chớ không <i>Ốc-xýt</i> .

5. Những nguyên-âm kép được thu-nhập để giữ đúng tự-nguyên, chúng ta có thể đọc theo âm Pháp (thí-dụ *au*, *eau* đọc như *ô*, *eu* đọc như *ơ*, *ai* đọc như *e*, v.v...). Nhưng tốt hơn, nên Việt-hóa cách đọc, vì các nước Âu-Mỹ cũng đọc những vần ấy một cách khác nhau xa. Thí-dụ, ta đọc *lauric* theo âm Việt, thay vì lô-ric.

**Đặc-biệt** nguyên-âm kép *ou* sẽ phiên-âm *u*, theo giọng đọc.

Thí-dụ :

Boulon	Bulon
Coumarine	Cumarin (người Đức viết Kumarin).

Như vậy, danh-từ *soude* sẽ phiên-âm là *sud* thay vì *sút*. Nhưng ở đây, chúng ta nên áp-dụng danh-pháp và dịch *soude* là *hidroxid natrium*, cũng như các baz khác được gọi là *hidroxid kalium*, *hidroxid calcium*, v.v... Và lại ta dịch *sodium* là *natrium* chớ ta không dùng danh-từ *sodium* (vì ký-hiệu của nguyên-tố này là Na).

c. Khi phiên-âm ngoại-ngữ, ta thường viết theo âm-vận Việt-Nam, với nhiều gạch-nối phiên-phức làm cho một danh-từ đơn trở thành một danh-từ kép vô nghĩa.

1. Chúng tôi đề-nghị viết liền và bỏ hẳn các dấu rờm-rà của Việt-ngữ ; danh-từ sẽ gọn-gàng, dễ nhận và dễ đọc hơn.

Thí-dụ :

Acide chlorhydrique	<i>Acid clorhidric</i> , thay vì a-xít cờ-lo-hýt-ric
Acétaldéhyde	<i>Acetaldehyd</i> , thay vì a-xê-tan-đê-hýt

2. Việt-ngữ không có âm câm. Vậy ta nên bỏ các phụ-âm câm và chữ *e* câm của vần cuối Pháp-ngữ.



Thí-dụ :

Anthracène	Antracen	Chrome	Crom
Calorie	Calori	Enthalpie	Entalpi
Cathode	Catod	Moment	Momen
Chlore	Clor	Vernis	Verni

Trong vài trường-hợp đặc-biệt, ta nên giữ chữ *h* câm. Thí-dụ ta viết *rhodium* vì ký-hiệu của nguyên-tố này là *Rh*.

Lỗi viết bỏ chữ *e* câm ở vắn cuối làm cho danh-từ phiên-âm dễ đọc và dễ nhận vì danh-từ vẫn còn giống danh-từ quốc-tê. Thí dụ, ta viết *acid*, *carbon* như người Anh ; *amin*, *bor*, *butan*, *butin*, *sulfat*, *sulfit*, *sulfon* như người Đức ; *amid*, *furan*, *halogen*, *olein* như người Anh và người Đức.

3. Nếu trước chữ *e* câm có một phụ-âm đôi, vắn cuối sẽ được bỏ nguyên.

Thí-dụ :

Gramme      Gram,

thay vì Gam

Đúng theo nguyên-tắc này, danh-từ *potasse* sẽ phiên-âm là *potas*, thay vì *pô-tát*. Nhưng ta nên dùng *hidroxid kalium* như đã trình bày ở đoạn trên.

4. Nguyên-tắc bỏ phụ-âm câm được áp-dụng cho phụ-âm kép *th* thường đọc như *t* trong tiếng Pháp.

Thí-dụ :

Hélianthine      *Heliantin*

Méthane      *Metan*

Méthoxy      *Metoxi*

Trong vài trường-hợp, Âu-ngữ cũng bỏ chữ *h* câm của *th*. Thí-dụ, nguyên-thủy, người Đức viết *Theil*, nay viết *Teil* (phần), Pháp và Anh viết *cation* (thay vì *cathion*), Đức viết *Kation* (thay vì *Kathion*).

5. Chữ *g* trong Việt-ngữ có âm mềm trước *i*. nhưng không có âm mềm trước *e*. Để giữ đúng tự-nguyên, ta có thể thu-nạp vần *ge* (âm mềm) của Pháp-ngữ, mà khỏi sợ lẫm lẫm với vần *ghe* (âm cứng) của Việt-ngữ.

Thí-dụ ;

Germanium	Germanium
Halogène	Halogen
Hydrogène	Hidrogen
Oxygène	Oxigen

6. Chúng tôi cũng thêm phụ-âm kép *gn*, đọc như *nh* Việt, và phiên-âm *magnesium* là *magnesium* để giữ đúng ký-hiệu *Mg*. Nhưng ta cũng có thể tách *g* và *n* ra hai vần khác nhau, và đọc *mag-ne-si-um* như người Anh (đọc theo chữ La-tinh), thay vì *ma-nhê-si-um*, nghĩa là ta đã thu-nạp vào Việt ngữ vần ngược *ag*.

7. Chữ *y* không cần thiết lắm, ngoại trừ vài trường-hợp như *ytterbium* (phiên-âm *yterbium* vì ký-hiệu là *Yb*), chúng ta thay thế bằng chữ *i*, danh-từ sẽ được giản-tiện hơn.

Thí-dụ :

Baryum	Barium
Cyanure	Cianur
Cyclotron	Ciclotron
Cycloide	Cicloid
Méthyle	Metil
Oxyde	Oxid
Pyridine	Piridin

Và lại, người Anh cũng viết *barium* và *oxide*. Còn người Tây-ban-Nha dùng toàn chữ *i*, và danh-từ tương đương với những danh-từ trong thí-dụ trên là *bario*, *cianuro*, *metil*, *oxido*, *piridino*. Chính Việt-ngữ cũng lần lượt dùng *i* thay thế *y* trong nhiều trường hợp như : *hi* sinh, *hi*-viện, *hi*-tín, *qui*-chê, *quí*-vị.. Như vậy, việc dùng chữ *i*

trong danh-từ phiên-âm không những tiện-lợi, mà còn khỏi bận trí nhớ.

Tuy nhiên, ngoài các danh-từ phiên-âm, ta có thể tiếp-tục dùng cả hai chữ *i* và *y* như trước. Như vậy ta khỏi phải bận tâm về vấn *uy*, đọc khác hẳn vấn *ui*.

8. Cũng như trong trường-hợp trên, chúng ta có thể thay thế *ph* bằng *f* trong tất cả danh-từ phiên-âm. Người Tây-ban-nha đã áp-dụng lối viết này, Danh-từ sẽ được gọn hơn hay sát từ-nguyên hơn.

Thí-dụ :

<i>Phénol</i>	<i>Fenol</i> , thay vì <i>Phenol</i>
<i>Naphtalène</i>	<i>Naftalen</i> , thay vì <i>Naphtalen</i> hay <i>Naptalen</i>
<i>Phtalique</i>	<i>Ftalic</i> , thay vì <i>Phtalic</i> hay <i>Ptalic</i>

(Lối viết *naptalen*, *ptalic*, trông giản-dị hơn *naphtalen*, *phtalic*, nhưng không phân-biệt hai vấn khác nhau *ph* và *pt*, như *mercaptan*, *pteridin*).

Vả lại, người Anh viết tên những chuyên-hóa-chất của lưu-huỳnh với *ph*, trong lúc người Mỹ, Pháp và Đức đều dùng chữ *f*

Thí-dụ :

Anh	Mỹ	Pháp	Đức
<i>Sulphate</i>	<i>Sulfate</i>	<i>Sulfate</i>	<i>Sulfat</i>
<i>Sulphide</i>	<i>Sulfide</i>	<i>Sulfure</i>	<i>Sulfid</i>
<i>Sulphonamide</i>	<i>Sulfonamide</i>	<i>Sulfamide</i>	<i>Sulfamid</i>

Phiên-âm danh-từ Pháp, chúng ta viết *sulfat*, *sulfur*, *sulfamid*.

9. Chúng tôi dùng vấn cuối *-or*, *-o* và *-ic* để phiên-âm vấn cuối *-eur*, *-eux* và *-ique* của Pháp. Đặc-biệt hai vấn *o* và *ic* rất cần thiết trong danh-pháp hóa-học vô-cơ để phân-biệt những trạng-thái oxid-hóa khác nhau.

Thí dụ :

Vecteur	Vector
Sulfureux	Sulfuro
Sulfurique	Sulfuric

10. Hai vắn cuối - *ase* và -*ose*, đọc với âm mềm *z*, sẽ được phiên âm -*az* và -*oz*.

Thí-dụ :

Base	Baz, thay vì Ba-dô hay Ba-zô
Maltase	Maltaz, thay vì Man-tát
Ose	Oz, thay vì Ôt
Maltose	Maltoz, thay vì Man-tôt

11. Khi phiên-âm, nhiều người chỉ phiên-âm phần đầu và bỏ phần cuối, làm cho danh-từ mất cả hệ-thống hoặc nghĩa-lý của nó. Thí-dụ, *oxgène* phiên-âm là «*oc-xy*», hay «*o-xy*», *hydrogène* phiên-âm là «*hýt-rô*» hay «*hydrô*», trong lúc đó tiếng *halogène* lại phiên-âm là «*ha-lo-gen*» ! Danh-từ *oxygène* và *hydrogène* chỉ hai nguyên-tố, còn *oxy* và *hydro* là hai tiếp-đầu-ngữ quốc-tê dùng để mệnh danh những chuyển-hóa-chất dẫn-xuất từ hóa-chất khác bằng cách oxigen-hóa hay hidrogen-hóa.

Nếu ta không dựa theo từ-nguyên Hy-lạp (*oxus* là *chua*, *gennân* là *sinh ra*) mà dịch như các nước Đức (*Sauerstoff*), Nhật (*toan-tô*), ta có thể dùng danh-từ *dương-khí* (hay *dương*) đã được phổ-thông từ lâu, hoặc ta phiên-âm là *oxigen*.

Trường-hợp tiếng *hydrogène* cũng thế. Theo từ-nguyên Hy-lạp (*hudôr* là *nước* và *gennân* là *sinh ra*), người Đức dịch là *Wasserstoff*, người Nhật dịch là *thủy-tố*. Ta có thể dùng danh-từ *khinh-khí* (hay *khinh*) đã được phổ-thông từ lâu, hoặc phiên-âm là *hidrogen*.

Những danh-từ tương-tợ sẽ phiên-âm

Halogène	Halogen
Azote (Nitrogène)	Nitrogen

Như vậy lời phiên-âm sẽ được đồng-nhất và chúng ta sẽ tránh được những khuyết điểm nói trên.

Vì lẽ ấy, chúng tôi phiên-âm trọn tiếng, chớ không phiên-âm hai hay ba vắn đầu thôi. Chúng tôi viết *aluminium* (chớ không *a-lu-min*), *magnesium* (chớ không *ma-nhê-si*), *silicium* (chớ không *si-lic*), mặc dù chúng tôi đề-nghị áp-dụng danh-pháp để gọi *alumine* là *oxid aluminium*, *magnésie* là *oxid magnesium*, *silice* là *oxid silicium*, cũng như chúng tôi gọi *soude* và *potasse* là *hidroxid natrium* và *hidroxid kalium*.

Trái lại, chúng tôi bỏ những vắn cuối do quy-tắc lập tính-từ của Pháp-ngữ. Thí-dụ, danh-từ *alcool éthylique* sẽ phiên-âm là *rượu etil* thay vì *rượu etilic*. Người Anh cũng viết *ethyl alcohol* và người Đức viết *Athylalkohol*.

12. Dùng chữ *d* thay vì *đ* rất tiện và phù-hợp với lời phiên-âm mới. Chúng tôi tưởng không cần viết *đ* trong danh-từ phiên-âm, vì ta không thể lầm lẫn danh-từ này với chữ quốc-ngữ quen thuộc.

13. Riêng về các đặc-danh (nhân-danh, địa-danh), chúng tôi đề-nghị không phiên-âm, và đọc theo âm-vận riêng biệt của nguyên xứ, dù đặc danh ấy được dùng làm đơn-vị.

Thí-dụ nhân-danh dùng làm đơn-vị :

Ampère	<i>Ampère</i> , chớ không <i>Am-pe</i>
Ampère-heure	<i>Ampère-giờ</i> , chớ không <i>Am-pe-giờ</i>
Coulomb	<i>Coulomb</i> , chớ không <i>Cu-long</i>
Curie	<i>Curie</i> , chớ không <i>Cu-ri</i>
Joule	<i>Joule</i> , chớ không <i>Jun</i>
Ohm	<i>Ohm</i> , chớ không <i>Om</i>
Watt	<i>Watt</i> , chớ không <i>Uát</i>

Đứng về phương-diện<sup>]</sup> khảo-cứu Sử-địa, vấn-đề này lại càng quan-trọng hơn nữa. Một nhân-danh, một địa-danh nếu bị sửa đổi đi, dù một phần nhỏ, cũng đủ làm sai lạc cả nguồn-gốc. Dưới đây là một vài thí-dụ của cách phiên-âm thường dùng xưa nay ở Việt-nam; đó là sự phiên-âm qua chữ Hán :

### Nhân-danh

Aristote	<i>A-lý-sĩ-đá-đức</i>	Hugo	<i>Hiêu-nga</i>
Beethoven	<i>Bốt-đa-phần</i>	Kropotkine	<i>Khắc-lỗ-bào-đặc-kim</i>
Coulomb	<i>Kha-luân-bố</i>	Marx	<i>Mã-khắc-tư</i>
Cromwell	<i>Kha-luân-uy-nhĩ</i>	Ohm	<i>Áu-mỗ</i>
Curie	<i>Cư-lễ</i>	Rousseau	<i>Lư-thoa</i>
Darwin	<i>Đạt-nhĩ-văn</i>	Tagore	<i>Thái-quả-nhĩ</i>
Descartes	<i>Địch-cạp-nhi</i>	Tolstoi	<i>Thác-nhi-tư-thát</i>
Einstein	<i>Ái-nhân-tư-thán</i>	Wilson	<i>Uy-nhĩ-tốn</i>

### Địa-danh

Afrique	<i>A-phi-lợi-gia</i>	Mexique	<i>Mễ-tây-co</i>
Athènes	<i>Nhã-điền</i>	New-York	<i>Nữu-uớc</i>
Australie	<i>Úc-đại-lợi</i>	Okinawa	<i>Xung-thằng</i>
Berlin	<i>Bá-linh</i>	Paris	<i>Ba-lê</i>
Bulgarie	<i>Bảo-gia-lợi</i>	Rangoon	<i>Ngư-ông-quang</i>
Canada	<i>Gia-nã-đại</i>	Rome	<i>La-mã</i>
Italie	<i>Ý-đại-lợi</i>	Paraguay	<i>Ba-lập-khuê</i>

Lỗi phiên-âm trên đây, làm sai lạc hẳn tiếng nguyên-thủy, làm cho danh-từ không còn giống một chút nào với tiếng bản-xứ nữa. Nếu cần chúng ta nên phiên-âm thẳng từ tiếng của người bản-xứ ra Việt-ngữ. Tại sao ta đi phiên-âm lại những danh-từ mà người Trung-hoa đã phiên-âm ra Hán-tự theo âm-hưởng của họ ?

Mặt khác, như đã nói trên, chúng tôi đề-nghị không phiên-âm những nhân-danh hay địa-danh qua sự trung-gian của một tiếng ngoại-quốc nào, dù danh-từ ấy đã được phổ-thông, và đề-nghị giữ nguyên-trang danh-từ của người bản-xứ

Thí-dụ :

<i>Milano,</i>	chớ không <i>Milan</i> (theo Anh, Pháp)
<i>Cairo,</i>	chớ không <i>Le Caire</i> (theo Pháp)
<i>Roma,</i>	chớ không <i>Rome</i> (theo Anh, Pháp...)
<i>Athenai,</i>	chớ không <i>Athènes</i> (theo Pháp) hoặc <i>Athens</i> (theo Anh)
<i>Moskva,</i>	chớ không <i>Moscou</i> (theo Pháp) hoặc <i>Moscow</i> (theo Anh)
<i>Philadelphia,</i>	chớ không <i>Philadelphie</i> (theo Pháp)
<i>Thames,</i>	chớ không <i>Tamise</i> (theo Pháp)

Trên đây, chúng tôi đã nêu ra vài qui-tắc tổng-quát để thông-nhất lối phiên-âm danh-từ chuyên-khoa. Đặc-biệt, chúng tôi thu-nhập vào Việt-ngữ những vấn cần-thiết, dùng lối viết liền, không dấu trên chữ, và đồng-thời Việt-hóa cách đọc.

Các vấn mới này sẽ làm giàu cho âm-vận Việt-Nam và mặt khác, sẽ giúp ta mau quen thuộc ngoại-ngữ.

Vấn-đề phiên-âm có liên-hệ mật-thiết với việc cải-tiến Quốc-ngữ, cần được nghiên-cứu sâu rộng hơn. Và chúng tôi ước mong rằng gần đây chúng ta sẽ có một lối phiên-âm duy-nhất, để cho các danh-từ dùng trong sách giáo-khoa hay khảo-cứu không còn phiên-âm hỗn-độn như trước nữa. Có vậy, khoa-học nước nhà mới mong phát-triển mạnh-mẽ được.

Trên đây là những nguyên-tắc đã được đặt ra để dùng làm căn-bản cho việc soạn-thảo danh-từ chuyên-khoa, nhất là đối với sự

chính-xác-hóa và hệ-thống-hóa danh-từ trong các ngành, cùng sự Việt-hóa danh-từ quốc-tế và thiết-lập những qui-tắc phiên-âm để vừa tôn trọng danh-pháp quốc-tê, vừa phù-hợp với nền khoa-học hiện đại.

Áp-dụng trên mười mấy năm nay, hệ thống này đã mang lại nhiều kết quả vững chắc. Tuy nhiên, chúng tôi không khỏi không nhận thấy công-cuộc soạn-thảo vẫn còn phức-tạp và đòi hỏi nhiều cố gắng. Nhiều vấn-đề còn cần được nghiên-cứu sâu rộng thêm, nhất là về khía cạnh ngôn-ngữ.

Thiết-trường việc qui-định danh-từ chuyên-môn có một tầm-mức không những hệ-trọng trong lãnh-vực khoa-học của một nước, mà còn hệ-trọng hơn nữa đối với nền học-vấn và văn-hóa của quốc-gia ấy. Chúng tôi ước mong được đón nhận những phê-bình cùng mọi sáng kiến của tất cả quý vị có nhiệt tâm đối với vấn đề, để luôn luôn cải-tiến và hoàn-bị tiếng nói khoa học, hầu xây dựng một nền văn-hóa vững chắc cho nước nhà.

#### SÁCH THAM KHẢO

**Nguyễn-văn-Dương**, *Danh-từ Hóa-học và Dược-học*, trong *Tập San Dược-học*, Dược-sĩ-Đoàn Quốc-Gia, Saigon, 1958.

**Hoàng-xuân-Hãn**, *Danh-từ Khoa-học* (Toán, Lý, Hóa, Cờ, Thiên-văn), in lần thứ ba, Minh-Tân, Paris, 1955.

**Đàm-quang-Hậu**, *Danh-từ chuyên-khoa trong Việt-ngữ*, Nhà Xuất-bản Đại-học, Huế, 1958 (?)

**International Union of Pure and Applied Chemistry**, *Nomenclature of Organic Chemistry, sections A and B*, 2nd ed. Butterworths, London, 1966; *section C*, Butterworths, London, 1965.

**Nguyễn-khắc-Kham**, *Foreign borrowings in Vietnamese*, Đông-Kinh Ngoại-quốc-ngữ Luận-tập, Tokio, 1969, số 19.

**Lê-văn-Thới và cộng-tác-viên**, *Danh-từ Hóa-học Pháp-Việt*, Bộ Quốc-gia Giáo-dục, Saigon, 1963.



